TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3323/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Chinh

2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hải – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2589/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3688/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 4705/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987
Địa chỉ: số nhà F đường T, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1977
Địa chỉ: số nhà F đường T, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc D:

Bà và ông Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 20/3/2006. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh

mâu thuẫn do ông T không chăm lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, ông T không thay đổi cách sống nên vợ chồng xảy ra xung đột, tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Đến nay vợ chồng đã ly thân, cả hai không còn tình cảm yêu thương và tôn trọng nhau nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Hồng T.

Con chung: có hai con chung tên Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 31/7/2011 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2013. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Hồng T, đồng thời triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Hồng T. Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn ông Phạm Hồng T. Giao hai con chung Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 31/7/2011 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 27/6/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: xét, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Phạm Hồng T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã B, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự chia sẻ trách nhiệm và không tin tưởng nhau. Đến nay vợ chồng không còn gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà D xác định không còn khả năng xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà D yêu cầu ly hôn nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà D phù hợp với bản sao Giấy khai sinh số 203/2011 ngày 18/8/2011 và bản sao Giấy khai sinh số 64/2013 ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà D và ông T có hai người con chung, Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 31/7/2011 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2013. Bà D có yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, ông T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ yêu cầu của bà D và nguyện vọng của con được sống chung với mẹ, cần giao hai con cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: bà D xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D;

Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn ông Phạm Hồng T.

2. Con chung: Giao hai con Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 31/7/2011 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phạm Hồng T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005472 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, biên lai thu trên dịch vụ công số 2320210304877780 ngày 25/10/2023 (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- CCTHADS TP . Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã N…;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy